

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân Hỷ
Thôn 3, xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993, năm 2003 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại năm 2011;

Trên cơ sở Hội nghị Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại, tố cáo của tỉnh ngày 03/4/2023 và theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 68/BC-STNMT ngày 16/5/2023 về kết quả xác minh khiếu nại của ông Trịnh Xuân Hỷ ở thôn 3, xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân.

I. NỘI DUNG KHIẾU NẠI

Ông Trịnh Xuân Hỷ khiếu nại, đề nghị UBND huyện Thọ Xuân bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích 3.933m² đất nhận thầu, Nhà nước đã thu hồi thực hiện dự án theo phương án: Bồi thường bằng tiền do mất thu nhập thuần trong thời gian thuê đất còn lại vì Hợp đồng nhận thầu với xã là 50 năm.

II. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN ĐẦU CỦA CHỦ TỊCH UBND HUYỆN THỌ XUÂN

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2329/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, kết luận: Việc ông Trịnh Xuân Hỷ khiếu nại UBND huyện Thọ Xuân về việc chi trả tiền hỗ trợ đất thầu khoán công ích và đề nghị bồi thường bằng tiền do mất thu nhập thuần trong thời gian thuê đất còn lại theo Hợp đồng 50 năm là không có cơ sở. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, ông Hỷ tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.

III. KẾT QUẢ XÁC MINH

1. Nội dung làm việc với ông Trịnh Xuân Hỷ

Ông Trịnh Xuân Hỷ trình bày:

Năm 1998, gia đình ông có nhận thầu đất với UBND xã Xuân Châu (nay là xã Thuận Minh), diện tích 3.933m², thời hạn 50 năm. Năm 2014, Nhà nước thu hồi thực hiện Dự án hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã, gia đình ông được bồi thường, hỗ trợ 94.695.000 đồng, trong đó: Hỗ trợ về đất 47.196.000 đồng và đền bù cây cối, hoa màu 47.499.500 đồng; số tiền này gia đình ông đã nhận đủ và đã bàn giao đất để thực hiện dự án.

Tiền đền bù cây cối, hoa màu ông Hỷ không khiếu nại; đối với hỗ trợ về đất, ông Hỷ không đồng ý và khiếu nại cho rằng: Hợp đồng nhận thầu khi thu hồi đất, thời hạn còn 34 năm, do đó ông đề nghị được bồi thường bằng tiền do mất thu nhập thuần trong thời gian thuê đất còn lại theo Hợp đồng 50 năm đúng với Khung chính sách tái định cư Dự án Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1246/TTg-KTN ngày 21/8/2012.

2. Nội dung Khung chính sách tái định cư Dự án Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 1246/TTg-KTN ngày 21/8/2012

Ngày 21/8/2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Khung chính sách tái định cư Dự án Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã tại Văn bản số 1246/TTg-KTN, theo đó về quyền lợi quy định tại mục 2.2 như sau:

“26. Hộ gia đình hoặc cá nhân có đủ căn cứ để bồi thường sẽ được bồi thường đối với đất và công trình thiệt hại tương đương với 100% giá tài sản đó. Những người không có đủ quyền pháp lý cũng được hỗ trợ như mô tả trong ma trận quyền lợi dưới đây”:

Tại Bảng 3.1: Ma trận quyền lợi Khung chính sách quy định:

Người được hưởng quyền	Loại & Mức độ tác động	Chính sách bồi thường	Vấn đề thực hiện
A. ĐẤT NÔNG NGHIỆP			
<i>A.1: Đất nông nghiệp bị ảnh hưởng tạm thời</i>			
<i>A.2 Đất nông nghiệp bị thu hồi vĩnh viễn</i>			
Người sử dụng thuê đất hoặc có quyền sử dụng tạm thời		Bồi thường bằng tiền tương đương với 30% chi phí thay thế cho đất bị ảnh hưởng; Hoặc Bồi thường bằng tiền do mất thu nhập thuần trong thời gian thuê đất hoặc giao đất còn lại, tùy theo mức nào cao hơn.	Thông báo trước về khả năng sinh lợi của phần đất còn lại (không bị ảnh hưởng) của mảnh đất. Do Hội đồng bồi thường, tái định cư huyện thực hiện

3. Nội dung làm việc với UBND huyện Thọ Xuân

- Theo báo cáo của UBND huyện Thọ Xuân: Thực hiện dự án hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ đầu tư, việc bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án do UBND huyện Thọ Xuân thực hiện. Trong quá trình thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện đã xác định: Đối với diện tích đất do các hộ nhận thầu với UBND các xã thì được bồi thường, hỗ trợ bằng 30% giá trị đất bị ảnh hưởng, kết quả các hộ trên địa bàn huyện đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án, các hộ không có kiến nghị gì về mức bồi thường, hỗ trợ; đối với hộ ông Hỷ đã nhận tiền, bàn giao mặt bằng, tuy nhiên gia đình thắc mắc về việc bồi thường, hỗ trợ; theo đó Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Thọ Xuân đã có Công văn số 47/HĐGPMBTH ngày 16/6/2017 xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ngày 20/7/2017, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phúc đáp tại Công văn số 2087/STNMT-PTNT với nội dung: *“Việc Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện áp dụng thực hiện hỗ trợ 30% tiền đất tính theo diện tích hợp đồng; bồi thường toàn bộ tài sản được kiểm kê trên diện tích đất thầu khoán bị ảnh hưởng đối với hộ gia đình ông Trịnh Xuân Hỷ là đầy đủ và đúng theo các quy định tại Khung chính sách của dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”*.

Trong quá trình xem xét phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Thọ Xuân đã bồi thường, hỗ trợ cho các hộ có đất thầu khoán theo phương án bồi thường bằng tiền tương đương với 30% chi phí thay thế cho đất bị ảnh hưởng của Khung chính sách, chưa xem xét đến phương án bồi thường bằng tiền do mất thu nhập thuần trong thời gian thuê đất hoặc giao đất còn lại của Khung chính sách. Liên quan đến nội dung ông Hỷ đang khiếu nại, UBND huyện Thọ Xuân đã báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tại các văn bản:

+ Tại Văn bản số 59/BC-UBND ngày 27/02/2023, có xác định mức bồi thường bằng tiền đối với 02 phương án, đồng thời có nội dung kiến nghị UBND tỉnh: *Không công nhận đối với hợp đồng trồng cây ăn quả năm 1998 (50 năm); công nhận hợp đồng giao khoán năm 2001 (10 năm) để tính giá trị bồi thường cho hộ ông Trịnh Xuân Hỷ.*

+ Tại Văn bản số 193/BC-UBND ngày 26/4/2023, UBND huyện Thọ Xuân đưa ra quan điểm và đề xuất: *“Hiện nay, dự án đã quyết toán hoàn thành, UBND huyện Thọ Xuân kiến nghị Đoàn xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tham mưu báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết theo hướng: Việc công dân khiếu nại là không có cơ sở”*.

+ Tại Văn bản số 220/BC-UBND ngày 13/5/2023 của UBND huyện Thọ Xuân, về báo cáo bổ sung hồ sơ, tài liệu liên quan nội dung giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân Hỷ, xã Thuận Minh, theo đó có nội dung liên quan đến việc xác minh về căn cứ giao kết hợp đồng giữa UBND xã Xuân Châu với hộ gia đình ông Trịnh Xuân Hỷ như sau:

“- Ngày 09/5/2023 UBND huyện Thọ Xuân đã tổ chức buổi làm việc đối với UBND xã Thuận Minh và các các bộ, nguyên cán bộ, công chức xã Xuân Châu cũ có liên quan đến việc xác nhận hợp đồng Trồng cây ăn quả ngày 02/01/1998 và Hợp đồng số 44/HĐTM, ngày 01/12/2001 được ký kết giữa UBND xã Xuân Châu cũ (nay là xã Thuận Minh) với hộ gia đình ông Trịnh Xuân Hỷ.

- Ngày 09/5/2023 UBND huyện Thọ Xuân có Công văn số 1124/UBNDTNMT về việc tham vấn ý kiến của Sở Tư pháp về tính pháp lý của Hợp đồng trồng cây ăn quả ngày 02/01/1998 và Hợp đồng số 44/HĐTM, ngày 01/12/2001 được ký kết giữa UBND xã Xuân Châu cũ (nay là xã Thuận Minh) với hộ gia đình ông Trịnh Xuân Hỷ”.

4. Việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trịnh Xuân Hỷ

Năm 2014, UBND huyện Thọ Xuân ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 về việc thu hồi đất đợt 1 để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã, trong đó có diện tích nhận thầu của hộ ông Hỷ; cùng ngày UBND huyện Thọ Xuân ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đợt 1 dự án Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã.

Ông Hỷ đã nhận đủ và đã bàn giao đất để thực hiện dự án, ngoài số tiền 47.499.500 đồng do được đền bù cây cối, hoa màu trên đất, gia đình ông Hỷ còn được nhận hỗ trợ về đất 47.196.000 đồng. Việc hỗ trợ về đất được tính bằng 30% tiền đất (diện tích thực tế đang sử dụng nhân với đơn giá đất nông nghiệp tại thời điểm đó), cụ thể: $3.933 \text{ m}^2 \times 40.000 \text{ đồng/m}^2 \times 30\% = 47.196.000 \text{ đồng}$.

5. Hồ sơ sử dụng đất thừa đất ông Trịnh Xuân Hỷ đang khiếu nại

5.1. Đối với hồ sơ sử dụng đất của ông Hỷ

Việc sử dụng đất của gia đình ông Hỷ có Hợp đồng trồng cây ăn quả ngày 02/01/1998 ký với UBND xã Xuân Châu, diện tích 07 sào 13 thước, thời hạn là 50 năm (đến ngày 02/01/2048), kèm theo Biên bản bàn giao đất ngày 03/01/1998 (ghi diện tích 3933 m^2); hồ sơ bản gốc hiện ông Hỷ đang lưu giữ, gồm: Hợp đồng trồng cây ăn quả ngày 02/01/1998, biên bản bàn giao đất ngày 03/01/1998.

Tại buổi làm việc đối thoại với ông Hỷ (Biên bản ngày 30/11/2022), ông cho rằng hồ sơ thanh lý hợp đồng ngày 25/11/2001 của xã là giả mạo; Đoàn xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra hồ sơ thanh lý, gồm: Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 25/11/2001 và Quyết định số 44QĐ/UBND ngày 24/11/2001 thanh lý Hợp đồng trồng cây ăn quả trước thời hạn.

Qua kiểm tra cho thấy: Biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 25/11/2001 do vợ ông Hỷ ký, Hợp đồng trồng cây ăn quả năm 1998 do ông Hỷ ký (bên B), ông Hỷ cho rằng ông không biết và kiến nghị xem xét nội dung này.

Sau khi đã thực hiện thanh lý Hợp đồng ký kết năm 1998 (tháng 11/2001) thì tháng 12/2001 Chủ tịch UBND xã Xuân Châu và ông Hỷ ký Biên bản cam

kết (Bản gốc ông Hỷ đang lưu giữ), với nội dung: Bên B (ông Hỷ) phải trồng đúng, đủ các loại cây đã hợp đồng; tuyệt đối không trồng sắn mía. Điều này hoàn toàn mâu thuẫn với hồ sơ thanh lý Hợp đồng, nhưng UBND xã Thuận Minh không lý giải được việc này.

Tại UBND xã Thuận Minh (Xuân Châu cũ) hiện nay không có lưu hồ sơ bản gốc mà chỉ có bản photo, hồ sơ còn nhiều sai sót. Lý giải cho việc này, UBND xã báo cáo do là xã miền núi, trình độ cán bộ còn nhiều hạn chế, vì vậy trong quá trình tham mưu cho UBND xã còn nhiều sai sót (Tại báo cáo số 96/BC-UBND ngày 12/12/2022 của UBND xã Thuận Minh).

Tuy nhiên, vào ngày 21/4/2023, ông Hỷ cung cấp cho Đoàn xác minh Biên bản làm việc ngày 13/6/2006 giữa UBND xã Xuân Châu với ông Trịnh Xuân Hỷ, có nội dung: “Gia đình ông Hỷ xin thực hiện tiếp Hợp đồng số 44 theo đúng như hợp đồng đã ký kết”, nhưng ông không xuất trình được bản Hợp đồng số 44.

5.2. Ý kiến của Sở Tư pháp về tính pháp lý của các Hợp đồng đã được ký kết giữa UBND xã Xuân Châu với hộ ông Trịnh Xuân Hỷ

Trên cơ sở Công văn số 1224/UBND-TNMT ngày 09/5/2023 của UBND huyện Thọ Xuân gửi Sở Tư pháp tham vấn ý kiến về tính pháp lý của các bản Hợp đồng đã được ký kết giữa UBND xã Xuân Châu với hộ ông Trịnh Xuân Hỷ; ngày 12/5/2023, Sở Tư pháp đã có Công văn số 972/STP-XDKTVB tham gia ý kiến gửi UBND huyện Thọ Xuân. Theo đó, Sở Tư pháp có ý kiến về tính pháp lý của các Hợp đồng như sau:

(1) Đối với Hợp đồng trồng cây ăn quả ngày 02/01/1998:

Qua xem xét Hợp đồng trồng cây ăn quả ngày 02/01/1998 giữa UBND xã Xuân Châu (cũ) và hộ ông Trịnh Xuân Hỷ, Sở Tư pháp thấy trong nội dung hợp đồng có nhiều điều khoản mang tính chất đặc trưng của hợp đồng hợp tác, cụ thể:

- Nội dung hợp đồng thể hiện cụ thể trách nhiệm các công việc cùng hợp tác giữa UBND xã Xuân Châu (cũ) và Hộ ông Trịnh Xuân Hỷ (UBND xã Xuân Châu chịu trách nhiệm về đất, kỹ thuật...; hộ ông Hỷ chịu trách nhiệm về cây giống, chăm sóc, bảo vệ cây trồng).

- Thể hiện cụ thể cách thức chia sẻ lợi ích (từ năm thứ 4 đến năm thứ 10: UBND xã Xuân Châu được hưởng 30% giá trị sản phẩm, hộ ông Hỷ được hưởng 70% giá trị sản phẩm; từ năm thứ 11 đến năm thứ 50: UBND xã Xuân Châu hưởng 40%, hộ ông Hỷ hưởng 60%...).

Mặt khác, trong hợp đồng không có nội dung nào thể hiện việc thuê quyền sử dụng đất. Đồng thời, hợp đồng cũng không thể hiện giá thuê mà lại thể hiện là từ năm thứ 4 trở đi thì cả 02 bên đều phải nộp là không đúng hình thức của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất (bên thuê quyền sử dụng đất phải trả tiền thuê đất).

Do vậy, Hợp đồng trồng cây ăn quả ngày 02/01/1998 giữa UBND xã Xuân Châu (cũ) và Hộ ông Trịnh Xuân Hỷ không phải là Hợp đồng thuê quyền

sử dụng đất.

(2) Hiệu lực của hợp đồng giao khoán số 44.HĐ/TM (bản phô tô) ngày 01/12/2001:

Đối với Hợp đồng giao khoán số 44.HĐ/TM ngày 01/12/2001 giữa UBND xã Xuân Châu (cũ) và hộ ông Trịnh Xuân Hỷ có thời hạn 10 năm, tính từ ngày 01/01/2002 đến ngày 30/12/2011.

Điều 703, Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê chuyển giao đất cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, còn bên thuê phải sử dụng đất đúng mục đích, trả tiền thuê và trả lại đất khi hết thời hạn thuê theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đất đai”.*

Điều a, Khoản 1, Điều 713, Bộ Luật dân sự năm 2005 quy định về *“Chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*

1. Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn thuê và không được gia hạn thuê”.

Căn cứ quy định nêu trên, sau ngày 30/12/2011 thì Hợp đồng giao khoán số 44.HĐ/TM ngày 01/12/2001 hết thời hạn thuê (hết hiệu lực).

5.3. Nhận xét

Trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Tư pháp về tính pháp lý của các Hợp đồng đã ký kết giữa UBND xã Xuân Châu và ông Trịnh Xuân Hỷ và các hồ sơ, tài liệu hiện có do ông Trịnh Xuân Hỷ và UBND huyện Thọ Xuân cung cấp, cho thấy:

- Việc ông Trịnh Xuân Hỷ cho rằng hiện nay chỉ còn Hợp đồng ký kết năm 1998 là còn bản gốc thể hiện việc UBND xã Xuân Châu cho hộ ông Hỷ thuê thâu đất để trồng cây ăn quả với thời hạn 50 năm, mà không công nhận Hợp đồng số 44.HĐ/TM ngày 01/12/2001 (bản phô tô) là không có cơ sở. Lý do:

(1) Hợp đồng trồng cây ăn quả ngày 02/01/1998, giữa UBND xã Xuân Châu (cũ) và Hộ ông Trịnh Xuân Hỷ, có nhiều điều khoản mang tính chất đặc trưng của hợp đồng hợp tác, không hàm chứa các nội dung thể hiện đây là Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa UBND xã Xuân Châu và hộ ông Trịnh Xuân Hỷ.

(2) Ngày 20/11/2001, hộ ông Hỷ có đơn xin chuyển đổi cây trồng (đơn do bà Nguyễn Thị Nguyên ký) và đã được UBND xã Xuân Châu ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 24/11/2001 về việc thanh lý hợp đồng trồng cây ăn quả trước thời hạn. Đến ngày 25/11/2001, UBND xã Xuân Châu và đại diện hộ ông Hỷ (bà Nguyễn Thị Nguyên - vợ ông Hỷ) đã tiến hành thanh lý hợp đồng năm 1998, tại Biên bản đã có chữ ký của bà Nguyễn Thị Nguyên - vợ của ông Hỷ (đại diện hộ gia đình).

(3) Sau khi ký Biên bản thanh lý Hợp đồng năm 1998, ngày 01/12/2001, bà Nguyễn Thị Nguyên đã đại diện hộ gia đình ký kết Hợp đồng giao khoán số 44 HĐ/TM với UBND xã Xuân Châu, thời hạn từ ngày 01/01/2002 đến ngày 30/12/2011.

(4) Tại Biên bản làm việc ngày 13/6/2006 giữa UBND xã Xuân Châu với ông Trịnh Xuân Hỷ, có nội dung “Gia đình ông Hỷ xin thực hiện tiếp hợp đồng số 44 theo đúng như hợp đồng đã ký kết”.

- Đối với Hợp đồng giao khoán số 44.HĐ/TM ngày 01/12/2001 giữa UBND xã Xuân Châu cũ và hộ ông Trịnh Xuân Hỷ có thời hạn 10 năm, tính từ ngày 01/01/2002 đến ngày 30/12/2011.

Điều 703, Bộ Luật dân sự năm 2005 quy định: “*Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê chuyển giao đất cho bên thuê để sử dụng trong một thời hạn, còn bên thuê phải sử dụng đất đúng mục đích, trả tiền thuê và trả lại đất khi hết thời hạn thuê theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đất đai*”.

Điều a, Khoản 1, Điều 713, Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định về “*Chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất*”:

1. *Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt trong các trường hợp sau đây:*
 - a) *Hết thời hạn thuê và không được gia hạn thuê*”.

Căn cứ quy định nêu trên, sau ngày 30/12/2011 thì Hợp đồng giao khoán số 44.HĐ/TM ngày 01/12/2001 hết thời hạn thuê (hết hiệu lực).

IV. KẾT LUẬN

Hợp đồng ngày 02/01/1998 giữa UBND xã Xuân Châu (cũ) và hộ ông Trịnh Xuân Hỷ bản chất là Hợp đồng hợp tác trồng cây ăn quả, không phải là Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, Hợp đồng đã hết hiệu lực kể từ ngày thanh lý (25/11/2001). Do đó, UBND huyện Thọ Xuân không áp dụng bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hỷ theo Hợp đồng ngày 02/01/1998 (50 năm) là có cơ sở; thời hạn theo hợp đồng số 44.HĐ/TM đã hết hiệu lực thực hiện từ sau ngày 30/12/2011 nên việc ông Hỷ đề nghị bồi thường bằng tiền do mất thu nhập thuần trong thời gian thuê đất là không có cơ sở. Khi hết thời hạn của Hợp đồng số 44.HĐ/TM, UBND xã Xuân Châu (cũ) không thực hiện thanh lý Hợp đồng với hộ ông Trịnh Xuân Hỷ, cũng không ký kết Hợp đồng giao khoán mới với hộ ông Hỷ. Do đó, ông Hỷ không phải là “Người sử dụng thuê đất hoặc có quyền sử dụng tạm thời” trên thửa đất bị thu hồi. Việc UBND huyện Thọ Xuân áp dụng bồi thường bằng tiền tương đương với 30% tiền đất cho hộ ông Hỷ là không đúng quy định theo Khung chính sách tái định cư Dự án Phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã tại Văn bản số 1246/TTg-KTN ngày 21/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Tuy nhiên, căn cứ tình hình thực tế hộ ông Hỷ vẫn tiếp tục canh tác, sản xuất và nộp đầy đủ sản, thuế cho UBND xã Xuân Châu theo hợp đồng số 44.HĐ/TM cho đến khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án. Theo Báo cáo số 01/BC-UBND-TXM ngày 09/6/2014 của UBND xã Xuân Châu, từ năm 2012 đến ngày 05/6/2014 (trước thời điểm thu hồi đất thực hiện Dự án hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã), hàng năm UBND xã vẫn thực hiện thu sản đổi với hộ ông Hỷ, mức sản 300kg/sào, trên diện tích đất 3.000m² (diện tích ghi

trong Hợp đồng); ngày 05/6/2014, hộ ông Hỷ đã nộp đủ số tiền 1.338.000 đồng, số Biên lai 62708. Do đó, việc UBND huyện Thọ Xuân áp dụng bồi thường bằng tiền tương đương với 30% tiền đất cho ông Hỷ là đã xem xét giải quyết có lợi cho hộ ông Trịnh Xuân Hỷ.

Từ kết quả thẩm tra xác minh, kết luận và các căn cứ pháp luật nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông Trịnh Xuân Hỷ khiếu nại và đề nghị được bồi thường bằng tiền do mất thu nhập thuần trong thời gian thuê đất còn lại theo Hợp đồng 50 năm là không có cơ sở.

Điều 2. Đây là quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, nếu ông Trịnh Xuân Hỷ không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại này thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, Chủ tịch UBND xã Thuận Minh, ông Trịnh Xuân Hỷ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Ban Tiếp công dân Trung ương (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CVP, PCVP UBND tỉnh Lê Việt Hiếu;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TD.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang